

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2020
V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông K' My Na.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chung
2. Bà Trần Thị Phúc

Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2020/TLST-HNGĐ ngày 06-3-2020 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 20-5-2020; quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04-6-2020 và thông báo số 01/TB-TA ngày 09-6-2020 về việc thay đổi thời gian xét xử của Tòa án nhân dân huyện Di Linh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh Nh; sinh 1994

Địa chỉ: Thôn 5A, xã Qu, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh Trần Văn V; sinh năm 1988.

Địa chỉ: Đội 8, xã Ng, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Định..

Chị Nh có mặt, anh V vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa chị Nh trình bày: Chị và anh V tự nguyện kết hôn năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Định.

Vợ chồng chung sống được 03 tháng thì chuyển về sinh sống tại thôn 2B, xã Đình Tr, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm về kinh tế và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến

nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung tên Trần Bích Ph; Sinh ngày 22-7-2017 và Trần Hồng Ch, sinh ngày 26-3-2019 hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng. Yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ..

Về tài sản: Tài sản chung, tài sản nợ chung và tài sản cho vay chung không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Bị đơn anh Trần Văn V vắng mặt nên không có ý kiến trình bày tuy nhiên tại bản tự khai ngày 06-3-2020 anh V trình bày: Anh và chị Nh tự nguyện kết hôn năm 2016, đăng ký tại UBND xã Ng, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau hiện đã sống ly thân, không còn thương yêu nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn đồng ý ly hôn chị Nh.

Về con chung: Anh và chị Nhàn có 02 con chung tên Trần Bích Ph; Sinh ngày 22-7-2017 và Trần Hồng Ch, sinh ngày 26-3-2019 hiện đang sống cùng chị Nh. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph đồng ý giao cháu Chi cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản: Tài sản chung gồm có 200.000.000đ và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Khi ly hôn anh chỉ lấy cây lan còn tài sản khác để lại cho chị Nh quản lý sử dụng. Tài sản nợ chung và tài sản cho vay chung không có.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Trần Văn V đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh V tự nguyện kết hôn năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm về làm ăn kinh tế, hiện đã sống ly thân. Không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh V cũng xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hiện đã sống ly thân, xác định tình cảm vợ chồng không còn đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa anh V vắng mặt nên không có ý kiến. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nh và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nh được ly hôn anh V là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nhàn và anh Võ cùng xác định vợ chồng có 02 con chung tên Trần Bích Ph; Sinh ngày 22-7-2017 và Trần Hồng Ch, sinh ngày 26-3-2019 hiện đang sống cùng chị Nh. Khi ly hôn chị Nh xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ. Anh V cũng có nguyện vọng xin nuôi cháu Ph, đồng ý giao cháu Ch cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, tại phiên tòa anh V lại vắng mặt nên không có ý kiến. Xét quyền lợi của con, khả năng nuôi dưỡng con của mỗi bên, để đảm bảo cuộc sống của các cháu, hiện các cháu đang sinh sống cùng chị Nh, phát triển bình thường và khỏe mạnh hơn nữa các cháu chưa đủ 36 tháng tuổi. Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao các con chung cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị Nh xác định vợ chồng không có tài sản chung, tài sản nợ chung và tài sản cho vay chung không có.

Anh V xác định vợ chồng có tài sản chung gồm có 200.000.000đ và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Khi ly hôn anh chỉ lấy cây lan còn tài sản khác để lại cho chị Nh quản lý sử dụng. Tài sản nợ chung và tài sản cho vay chung không có. Tại phiên tòa chị Nh trình bày cây lan anh V đã lấy đi mang về quê chăm sóc, tiếp tục để kinh doanh mua bán lan. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết, tại phiên tòa anh V vắng mặt không có ý kiến nên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác, khi có yêu cầu là phù hợp.

[5] Về án phí : Căn cứ Điều 144; Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nhàn và anh Võ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh Nh được ly hôn Anh Trần Văn V.

2. Về con chung: Giao các con chung tên Trần Bích Ph; Sinh ngày 22-7-2017 và Trần Hồng Ch, sinh ngày 26-3-2019 cho chị Nhân trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh Nh phải chịu 300.000đ án phí DSST xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014711 ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Linh (Đã nộp đủ án phí).

Anh Trần Văn V phải chịu 300.000đ án phí phần cấp dưỡng định kỳ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- Chi cục THADS huyện D;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Đương sự;
- UBND xã Nghĩa Hồng; lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

